

DI SẢN TƯ LIỆU TẠI DI TÍCH DÒNG HỌ Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ CHO BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ

PHẠM THỊ KHÁNH NGÂN*

Tóm tắt: Di sản tư liệu ở Việt Nam vô cùng phong phú và tồn tại ở rất nhiều nơi, được lưu giữ, bảo quản và phát huy giá trị hiệu quả từ các đơn vị thuộc Nhà nước quản lý như thư viện, bảo tàng, trung tâm lưu trữ cho đến các nơi thờ tự, họ tộc, tư gia.... Chính vì vậy, việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu rất quan trọng, đặc biệt cho các di tích dòng họ nhằm lưu giữ và làm giàu thêm kho tàng di sản văn hóa nói chung.

Từ khóa: di sản tư liệu, di tích dòng họ, Việt Nam.

Abstract: Vietnam's documentary heritage is extremely rich and exists across many different settings. It is preserved, safeguarded, and promoted by state institutions such as libraries, museums, and archival centers, as well as in places of worship, clan ancestral houses, and private collections. Therefore, strengthening the legal framework for the protection and promotion of documentary heritage is especially important, particularly in the case of clan and family relic sites, in order to preserve and further enrich the nation's cultural heritage.

Keywords: documentary heritage, family relics, Vietnam.

1. Di sản tư liệu trong các di tích dòng họ tại Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam đã có 36 di sản được UNESCO ghi danh, trong đó có 11 di sản tư liệu (DSTL), 4 di sản tư liệu thế giới và 7 di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Với 3/11 di sản tư liệu thuộc sở hữu cá nhân và dòng họ đã góp phần làm đa dạng tính sở hữu của di sản, cũng là bài toán đặt ra không hề dễ cho các nhà quản lý trên lĩnh vực này, gồm: 2 DSTL khu vực châu Á Thái Bình Dương (*Mộc bản trường học Phúc Giang*, ghi danh năm 2016, Nhật ký đi sứ của ông Nguyễn Huy Oánh - *Hoàng hoa sứ trình đồ*, ghi danh năm 2018) và 1 DSTL thế giới (*Bộ sưu tập tài liệu của Nhạc sĩ Hoàng Vân* ghi danh năm 2025).

Trong lịch sử phát triển của các cộng đồng dân cư tại Việt Nam, dòng họ là một hình thái tổ chức xã hội mang tính đặc thù. Không chỉ đơn thuần là mô hình liên kết dựa trên quan hệ huyết thống, dòng họ

còn là môi trường nuôi dưỡng văn hóa truyền thống, đào luyện nhân cách, bảo tồn đạo lý và lưu giữ ký ức cộng đồng qua nhiều thế hệ. Chính vì vậy, nghiên cứu về dòng họ không chỉ giúp làm sáng tỏ bản sắc văn hóa dân tộc mà còn cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn cho việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong thời đại hiện đại hóa - toàn cầu hóa. Trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa, nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Việc nhận diện lại vai trò của dòng họ trong bảo tồn di sản văn hóa trở nên cấp thiết để góp phần tái tạo bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển bền vững xã hội.

Từ khi Hồ Chủ tịch đã ký ban hành *Sắc lệnh số 65/SL* bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam đến nay, đã có 147 di tích quốc gia đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng, 3.677 di tích quốc gia, trong đó, có 386 di tích dòng họ tập trung ở các tỉnh như: Hà Nội, Hưng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, An Giang, Bạc Liêu... với các loại: đền thờ, khu lưu

niệm, mộ và nhà thờ, từ đường, di chỉ, miếu, nhà lưu niệm... Đây là nơi lưu giữ rất nhiều các di sản tư liệu quý, có giá trị tiêu biểu như: kinh Phật, sắc phong, sách vở, bản thảo, tài liệu, bi ký... phản ánh bức tranh đa dạng của xã hội Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

Diễn hình như tại hệ thống di tích ở Hưng Yên, các bộ mộc bản, bia đá có giá trị còn nhiều, nhưng chưa được nhận diện là di sản tư liệu, mới chỉ được liệt kê hiện vật trong bảng thống kê hiện vật của di tích. Hiện nay, ở đền Tổng Chân, xã Tổng Trân, thôn An Cầu, tỉnh Hưng Yên có hàng trăm bộ mộc bản, được khắc bằng chữ Nho, hầu như chưa được dịch nên người trông coi, quản lý di tích không biết được giá trị của các mộc bản đó. Có nơi cất giữ cẩn thận trong hòm khóa, nhưng có nơi lại bó gọn gàng, bọc túi nilon để ngay dưới gầm ban thờ, không được nhận diện để bảo quản theo quy trình với từng chất liệu nên những mộc bản này bị ảnh hưởng của ngoại cảnh dẫn tới cong, vênh, mối, mọt. Có nhiều di tích còn không có bảng thống kê hiện vật, những hiện vật như các mộc bản, sắc phong không được thống kê, có nơi cuộn, bọc sắc phong lại, gác lên trên kèo, cột của di tích, khiến giấy bị giòn, có nếp gấp. Việc chưa nhận diện, hệ thống DSTL tại các di tích, đặc biệt là di tích dòng họ có thể xảy ra tình trạng mất tài liệu, hiện vật mà không biết để tìm lại, đặc biệt là hệ thống sắc phong, sách, tài liệu cổ tại các đình, đền chùa, dòng họ hiện nay. Qua quá trình khảo sát, có những bia đá chứa nội dung thông tin có giá trị, nhưng bị “vứt chông chơ” giữa trời nắng, mưa, không có mái che, không có bản số hóa, những tư liệu này nếu mất đi sẽ rất đáng tiếc và không có cơ sở để phục chế lại (như tại Thanh Hóa). Vì vậy, việc tiến hành tổng kiểm kê DSTL trên cả nước nói chung và trong di tích dòng họ nói riêng là rất cần thiết để tránh việc hư hại, mất mát những DSTL có giá trị.

Với những DSTL của dòng họ đã được ghi danh việc bảo vệ và phát huy giá trị được tuân thủ đúng theo cam kết với UNESCO như *Hoàng Hoa sú trình đồ, Mộc bản trường học Phúc Giang* của dòng họ Nguyễn Huy (Hà Tĩnh). Theo TS, VS Nguyễn Huy Mỹ: “Hiện, tổng cộng có 532 đơn vị tư liệu hiện được dòng tộc Nguyễn Huy Trường Lưu lưu giữ và bảo tồn. Phản ánh trọn vẹn các loại

hình tạo tác văn bản: chép tay, khắc tay và khắc in. Thứ đến, dù trải qua từ thế kỷ XVII-XX chịu nhiều biến động của thời cuộc, chiến tranh, thiên tai bão lụt... có một số hư hỏng, nhưng bộ sưu tập tư liệu còn đảm bảo tính toàn vẹn, các chữ viết vẫn đọc rõ ràng, tuy có chỗ mất vài chữ, nhưng vẫn thể hiện toàn vẹn nội dung”. Dòng họ Nguyễn Huy trong nhiều năm qua đã tập trung vào việc nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị di sản, diễn hình như phối hợp trưng bày chuyên đề với bảo tàng tỉnh, trường học, tổ chức triển lãm tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, triển lãm, giới thiệu tại các hội thảo khoa học, hội nghị khoa học quốc tế. Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng được chú trọng, dòng họ và UBND xã Kim Song Trường (Hà Tĩnh) đã phối hợp với các đài, báo, truyền hình, giới thiệu, sản xuất nhiều chương trình truyền hình, phóng sự về 2 di sản. Từ việc 2 di sản này được ghi danh cũng đã nâng cao ý thức bảo vệ tư liệu quý của các dòng họ.

Về cơ chế chính sách: các văn bản hướng dẫn của UNESCO về Chương trình Ký ức thế giới chỉ mang tính khuyến nghị và chưa trở thành tiêu chí chặt chẽ, mới chỉ là khuyến khích các quốc gia thực hiện. Trong nước, DSTL còn là vấn đề mới mẻ, còn mờ nhạt và chưa được quan tâm đúng mức, vì vậy, lúng túng trong việc hoàn thiện văn bản quy phạm, các tiêu chí chưa được xây dựng cụ thể và quy trình thực hiện còn chưa thống nhất, đồng bộ. Tuy nhiên, đối với những DSTL tiềm năng, chưa có cơ chế, chính sách quản lý, bảo vệ chính thức, hướng dẫn cụ thể để nhận diện, đưa vào danh mục kiểm kê DSTL. Chính vì vậy, các DSTL trong các di tích dòng họ hiện nay chưa có căn cứ, kinh phí, nhân lực để đưa vào danh mục kiểm kê di sản, được bảo vệ, phát huy giá trị theo đặc thù của DSTL.

Thực trạng nhận thức chưa đầy đủ về giá trị và trách nhiệm bảo tồn DSTL dòng họ là một loạt nguyên nhân có tính cấu trúc, mang yếu tố văn hóa - xã hội và thể chế, cụ thể:

Văn hóa sở hữu tư nhân mạnh trong xã hội truyền thống: Trong cấu trúc xã hội làng xã Việt Nam, các tư liệu như gia phả, sắc phong, hương ước... thường được xem là “tài sản tâm linh” hoặc “bí mật nội bộ” của dòng họ. Việc công khai, chia sẻ hoặc để bên ngoài tiếp cận bị nhìn nhận như hành động có thể

“xâm phạm thiêng liêng”, từ đó hình thành tâm lý giữ kín và không hợp tác.

Thiếu các kênh truyền thông chuyên biệt về DSTL: Hiện chưa có chương trình truyền hình, ấn phẩm hay nền tảng số nào tập trung truyền thông phổ biến kiến thức về tư liệu dòng họ. Sự thiếu vắng này khiến cộng đồng không nhận thức được hết giá trị văn hóa - khoa học - pháp lý của tư liệu mà mình đang nắm giữ.

Tâm lý e ngại rủi ro và mất quyền kiểm soát: Một bộ phận dòng họ lo ngại rằng, khi hợp tác với Nhà nước hay tổ chức nghiên cứu, họ có thể mất quyền kiểm soát tư liệu; thậm chí sợ bị chiếm dụng, bị sao chép trái phép hoặc không được công nhận nguồn gốc. Điều này dẫn đến tâm lý phòng thủ, từ chối số hóa hoặc ghi danh.

Thiếu vai trò trung gian tin cậy giữa cộng đồng và Nhà nước: Hiện chưa có cơ quan chuyên trách, đủ uy tín và được cộng đồng tin tưởng, để làm cầu nối giữa dòng họ - chính quyền - giới nghiên cứu. Việc thiếu vắng những “trung gian văn hóa” này khiến các dòng họ không có địa chỉ tin cậy để tham vấn, gửi gắm hoặc chia sẻ tư liệu một cách an toàn, hợp pháp.

Cách tiếp cận chưa phù hợp từ phía chính quyền: Trong một số trường hợp, việc vận động dòng họ cung cấp tư liệu còn mang tính hành chính, thiếu sự tôn trọng giá trị văn hóa đặc thù hoặc chưa có cơ chế rõ ràng về lợi ích - trách nhiệm - bảo mật, dẫn đến phản ứng ngần ngại từ cộng đồng.

Những nguyên nhân trên nếu không được nhận diện và khắc phục sẽ tiếp tục là rào cản lớn trong quá trình kiểm kê, số hóa và bảo vệ DSTL dòng họ trên quy mô toàn quốc.

Hơn nữa, những người sở hữu, quản lý trực tiếp DSTL tại di tích dòng họ cũng chưa có chuyên môn sâu trong việc bảo quản DSTL, ví như đối với chất liệu giấy phải bảo quản thế nào, nhiệt độ, độ ẩm ra sao, đối với chất liệu da phải bảo quản ở nhiệt độ bao nhiêu, hư hỏng thì phục chế ra sao, những mộc bản bị cong vênh, bị cán mực, mờ chữ thì phải xử lý thế nào... Vấn đề này cần sự tư vấn, hướng dẫn của các cơ quan liên quan như các cơ quan chuyên về lưu trữ, viện nghiên cứu.

Đánh giá chung:

Thuận lợi: Việt Nam có tiềm năng lớn về di sản văn hóa nói chung và DSTL nói riêng, đặc biệt là

DSTL trong các di tích dòng họ (chiếm khoảng 8% các di tích đã được xếp hạng từ quốc gia trở lên).

Tuy DSTL là một loại hình mới, nhưng Việt Nam đã sớm quan tâm và tham gia là quốc gia thành viên để bám sát các quy định, hướng dẫn về bảo vệ DSTL, từ đó nội luật hóa vào hệ thống văn bản quy phạm của quốc gia. Việt Nam cũng là quốc gia có nhiều DSTL được ghi danh khu vực, thế giới với việc thực hiện đúng cam kết về bảo vệ và phát huy giá trị DSTL trong kho tàng di sản văn hóa của dân tộc.

Các DSTL của Việt Nam được UNESCO ghi danh phong phú về loại hình: bia đá, đình đồng, tài liệu lưu trữ trên giấy, mộc bản... đa dạng về chủ sở hữu: cơ quan, cộng đồng, dòng họ... Đây vừa là điểm mạnh, nhưng cũng là điểm khó cho việc thực hiện quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị DSTL một cách đồng bộ, hiệu quả.

Khó khăn: Việt Nam đã tham gia Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO từ năm 2006, nhưng đến nay, chúng ta mới ban hành được 1 Chương mới trong Luật Di sản văn hóa năm 2024 có hiệu lực từ tháng 7-2025), còn đang tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật (dự kiến cuối năm 2025 hoàn thành và có hiệu lực thi hành) bảo vệ và phát huy giá trị DSTL. Do vậy, Việt Nam cũng chưa có đánh giá, kiểm kê trên tổng thể toàn quốc để đưa ra 1 Danh mục quốc gia, từ đó, có sự cân nhắc lựa chọn ra các DSTL có giá trị tiêu biểu, dựa trên các tiêu chí cụ thể hạn chế việc đánh giá một cách cảm tính, đề cử ghi danh khu vực và thế giới để bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả, phù hợp.

Các DSTL lưu giữ tại các cơ quan, tổ chức hiện đã được quan tâm khá tốt, nhưng khối DSTL ở các dòng họ, cá nhân chưa được chú trọng, do nhiều yếu tố khách quan về nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất... Liên kết, hỗ trợ cho việc bảo quản giữa các cơ quan nhà nước và dòng họ, cá nhân chưa có cơ chế cụ thể. Bên cạnh đó, với sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. các ứng dụng công nghệ trong việc số hóa, sử dụng và khai thác giá trị DSTL chưa được triển khai đồng bộ, hiệu quả, chưa tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ trong phạm vi toàn xã hội.

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả trong việc bảo vệ và phát huy giá trị DSTL. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, lực lượng chuyên môn hiện nay vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên sâu và thiếu sự phối hợp liên ngành.

Theo thống kê của Bộ Nội vụ và Viện Nghiên cứu Hán Nôm, cả nước hiện chỉ có dưới 500 cán bộ có trình độ cao về Hán Nôm, trong đó tập trung chủ yếu tại Hà Nội và một số trung tâm di sản như Huế, TP.HCM. Nhiều địa phương không có cán bộ chuyên trách đọc hiểu Hán Nôm, dẫn đến tình trạng tài liệu địa phương bị “bỏ ngõ”, không thể khai thác hiệu quả, hoặc bị đánh giá sai giá trị lịch sử - văn hóa.

Trong khi đó, DSTL đặc biệt là tài liệu cổ, bản thảo viết tay, sắc phong, gia phả, yêu cầu đội ngũ xử lý phải có kiến thức liên ngành, gồm: ngôn ngữ học cổ truyền (Hán Nôm, chữ Nôm, cổ tự); lịch sử - văn hóa vùng miền (để định vị nội dung); bảo tồn học - thư viện học - lưu trữ học (để phục chế và lưu giữ); kỹ thuật số hóa - công nghệ thông tin (để số hóa, bảo mật và chia sẻ).

Tuy nhiên, hệ thống giáo dục Việt Nam hiện chưa có ngành học chính thức về “di sản tư liệu”, mà chỉ có một vài học phần rời rạc nằm rải rác trong các chương trình Lịch sử, Hán Nôm, Bảo tàng học hoặc Khoa học thư viện. Do đó, cán bộ làm công tác này thường phải tự học, học ghép hoặc học qua kinh nghiệm thực tiễn, dẫn đến thiếu sự chuẩn hóa về trình độ và phương pháp.

Ngoài ra, do tính chất chuyên biệt và “âm thầm” của ngành nghề, nguồn nhân lực trẻ ít mặn mà theo đuổi. Việc thiếu chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch riêng cho cán bộ DSTL cũng khiến nghề này không có sức hút như các lĩnh vực di sản vật thể, khảo cổ học hoặc bảo tàng.

Sự phát triển nhanh của đô thị hóa, công nghiệp hóa và di dân đang làm thay đổi cấu trúc cư trú và không gian truyền thống, nơi vốn là “thổ nhưỡng” tự nhiên của DSTL: Nhiều không gian gắn liền với việc lưu giữ tư liệu như từ đường, đình làng, chùa chiền, miếu mạo, nhà tổ... bị thu hẹp, di dời hoặc phá bỏ phục vụ quy hoạch đô thị, khiến tư liệu bị mất nơi bảo lưu gốc. Sự đứt gãy giữa các thế hệ (con cháu xa quê, ít gắn bó với dòng họ) khiến việc tiếp nối ý thức gìn giữ tư liệu truyền thống bị gián đoạn. Mâu thuẫn hoặc thiếu gắn kết giữa các chủ thể cộng đồng (dòng họ, phường hội, thôn làng) đôi khi gây tranh chấp tư liệu hoặc không đồng thuận khi cần hợp tác số hóa - khai thác tư liệu cho mục đích nghiên cứu, giáo dục.

2. Một số đề xuất về giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị DSTL trong hệ thống di tích dòng họ tại Việt Nam

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn quản lý nhà nước, bảo vệ và phát huy giá trị DSTL đặc biệt là các cơ chế, chính sách cho DSTL thuộc sở hữu chung và sở hữu riêng.

Nâng cao trách nhiệm tổ chức, tuyên truyền nhận thức, phát huy vai trò của cộng đồng, cá nhân và xây dựng cơ chế kiểm tra giám sát để việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản này hiệu quả và thiết thực trong toàn xã hội. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, tập huấn, tư vấn kỹ thuật tại cơ sở. Không chỉ dừng ở truyền thông đại chúng, cần có mô hình “cầm tay chỉ việc”, thông qua các lớp tập huấn hoặc cộng tác viên văn hóa tại cơ sở. Thực hiện cơ chế tôn vinh, ghi nhận danh hiệu cho cộng đồng gìn giữ DSTL tốt. Ví dụ: “Dòng họ văn hóa”, “Tổ chức lưu trữ cộng đồng kiểu mẫu”. Xây dựng giao ước đạo lý - pháp lý: Vừa đảm bảo quyền lưu giữ và quyết định của cộng đồng, vừa bảo đảm quyền tiếp cận, khai thác phục vụ nghiên cứu - giáo dục - truyền thông. Có thể ban hành biểu mẫu hợp tác mẫu giữa Nhà nước và cộng đồng, như hình thức “ủy quyền mềm”.

Trên cơ sở xác định cụ thể tiêu chí nhận diện, tiến tới kiểm kê, đánh giá giá trị tiềm năng của DSTL nói chung và DSTL trong các di tích dòng họ nói riêng; Mở rộng nghiên cứu, điều tra, khảo sát, tăng cường công tác sưu tầm, kiểm kê và bảo tồn những DSTL quý, hiếm, có giá trị trong các di tích dòng họ trên cả nước. Từ đó sẽ tiến hành lập danh mục DSTL có giá trị, tổ chức phân loại, đánh giá giá trị và tình trạng kỹ thuật của các DSTL để có biện pháp bảo quản theo tiêu chuẩn phân loại chất liệu từng di sản.

Phối hợp liên ngành trong quản lý, bảo vệ và phát huy DSTL như phối hợp với cơ quan lưu trữ, viện nghiên cứu, chuyên gia để xin ý kiến tư vấn về bảo quản, phục chế DSTL; hay các cơ quan quản lý, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, ban quản lý di tích, cộng đồng và cá nhân trong hoạt động sưu tầm, bảo vệ và phát huy giá trị DSTL. Đưa việc gìn giữ DSTL vào quy hoạch bảo tồn không gian văn hóa cộng đồng (từ đường, đình làng), lồng ghép trong thiết kế đô thị và xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ cộng đồng lập “kho lưu trữ di sản tư liệu cấp cơ sở”, có thể bố trí

trong thư viện xã, nhà văn hóa thôn hoặc bảo tàng tư nhân.

Xây dựng chương trình đào tạo chính quy về DSTL, theo hướng liên ngành (kết hợp Di sản học - Hán Nôm học - Bảo tồn học - Công nghệ thông tin - Xã hội học). Ban hành chuẩn năng lực cho các vị trí như: cán bộ thẩm định tư liệu, kỹ thuật viên số hóa, biên dịch viên Hán Nôm, chuyên gia lập hồ sơ MOW... Có chính sách tuyển dụng và đãi ngộ đặc thù đối với đội ngũ làm công tác bảo vệ DSTL (hỗ trợ phụ cấp chuyên môn, ưu tiên đào tạo nâng cao, xét khen thưởng, đề xuất danh hiệu nghề nghiệp...).

Đối với các DSTL thuộc di tích dòng họ ưu tiên việc xử lý, biên dịch (nếu có), số hóa, cập nhật vào cơ sở dữ liệu hiện có của hệ thống thông tin quản lý từ cấp địa phương đến trung ương, từ đó, ứng dụng khoa học công nghệ trong việc khai thác, trưng bày, quảng bá và giáo dục DSTL cho con em dòng họ, cộng đồng địa phương và lan tỏa ra toàn xã hội.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý thức trách nhiệm, phương thức lưu giữ và phát huy giá trị di sản của các cơ quan, tổ chức, dòng họ và cá nhân về các DSTL nói chung và DSTL trong các di tích dòng họ nói riêng thông qua các Hội thảo khoa học, lớp đào tạo, tập huấn.

DSTL tại di tích dòng họ là loại hình di sản độc đáo, mang đậm dấu ấn lịch sử - văn hóa - tinh thần của các cộng đồng gia tộc tại Việt Nam. Đây là một bộ phận của ký ức cộng đồng, được ghi chép, gìn giữ qua nhiều thế hệ và chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, tri thức bản địa phong phú, không chỉ là chứng tích của quá trình hình thành và phát triển các dòng họ mà còn phản ánh nhiều khía cạnh xã hội, chính trị, giáo dục, tín ngưỡng qua các thời kỳ. Trong thời gian gần đây, một số DSTL tại các di tích dòng họ đã được UNESCO ghi danh vào Chương trình Ký ức thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Điều này không chỉ khẳng định giá trị đặc sắc của loại hình di sản này mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc bảo vệ, phát huy giá trị và tích hợp vào các chính sách về di sản văn hóa quốc gia đồng bộ và hiệu quả góp phần phát triển xã hội bền vững.

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy rằng, DSTL tại các di tích dòng họ không chỉ có giá trị

về mặt lịch sử - văn hóa mà còn là nguồn tư liệu đặc biệt quan trọng cần được bảo tồn một cách khoa học và hệ thống. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý, thiết lập tiêu chí nhận diện, triển khai kiểm kê toàn quốc và tăng cường số hóa, bảo quản chuyên nghiệp. Đồng thời, việc huy động vai trò của cộng đồng, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, tổ chức chuyên môn và chính quyền địa phương sẽ tạo ra nền tảng vững chắc cho việc phát huy giá trị DSTL trong đời sống đương đại. Đây cũng là định hướng quan trọng nhằm gìn giữ ký ức cộng đồng và góp phần phát triển văn hóa bền vững (1)■

P.T.K.N

1. Bài viết thuộc Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2024 - 2025: *Phát huy giá trị di sản tư liệu tại các di tích dòng họ ở Việt Nam.*

Tài liệu tham khảo

1. Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa, Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN: 10382:2014), Hà Nội, 2014.
 2. Võ Hồng Hải, *Một số suy nghĩ về bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa làng Trường Lưu và dòng họ Nguyễn Huy*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Danh nhân văn hóa Nguyễn Huy Oánh, Viện Văn học và Sở VH-TTDL Hà Tĩnh, 2008.
 3. Vũ Thị Minh Hương, *Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO ở Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2022.
 4. Nguyễn Huy Mỹ, Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ đề tài Nghiên cứu, bảo tồn Mộc bản Trường Lưu, Can Lộc, Hà Tĩnh, 2015.
 5. Nguyễn Huy Mỹ (chủ biên), *Văn bản Hán Nôm ở làng Trường Lưu (1689 -1943)*, Nxb Nghệ An, 2022.
 6. Xem thêm: Phạm Thị Khánh Ngân, *Hoàn thiện hành lang pháp lý về di sản tư liệu - vấn đề và giải pháp*, Đặc san *Di sản văn hóa*, 2023.
 6. Nguyễn Thị Thảo, *Chính sách về di sản tư liệu từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang*, Luận án Thạc sĩ Chuyên ngành Chính sách công, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2016.
 7. UNESCO, Hướng dẫn chung về bảo vệ di sản tư liệu, 2010, 2017.
- Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-10-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 29-11-2025; Ngày duyệt đăng: 30-11-2025.*